

Phụ lục II



VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ BIỂN BÁO “VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	VỊ TRÍ	TỌA ĐỘ		GHI CHÚ
		X	Y	
1	Thôn Axoo, xã Anông, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 678).	69300	63260	Cách đường biên giới 910 m
2	Thôn Anonh, xã Anông, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 680, 681).	64300	61150	Cách đường biên giới 920 m
3	Thôn Nal, xã Lăng, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 683).	59250	58600	Cách đường biên giới 940 m
4	Thôn Nal, xã Lăng, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 684).	57150	55960	Cách đường biên giới 910 m
5	Thôn Abaanh II, xã Tr'hy, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 687).	57050	50180	Cách đường biên giới 930 m
6	Thôn Ariing, xã Axan, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 689).	54070	45420	Cách đường biên giới 925 m
7	Thôn T'râm, xã Axan, huyện Tây Giang (đường đi mốc quốc giới 690).	52880	43110	Cách đường biên giới 910 m
8	Thôn Cha'nốc, xã Ch'ôm, huyện Tây Giang (khu vực cửa khẩu phụ Tây Giang).	53090	41570	Cách đường biên giới 115 m
9	Thôn Cha'nốc, xã Ch'ôm, huyện Tây Giang (gần mốc quốc giới 693, khu vực cửa khẩu phụ Tây Giang).	52810	39260	Cách đường biên giới 115 m
10	Thôn Cha'nốc, xã Ch'ôm, huyện Tây Giang (đường từ thôn Ch'nốc đi mốc quốc giới 694).	51400	39400	Cách đường biên giới 950 m
11	Thôn Atu I, xã Ch'ôm, huyện Tây Giang (đường từ thôn Atu I đi mốc quốc giới 696).	50170	38620	Cách đường biên giới 889 m
12	Thôn Atu I, xã Ch'ôm, huyện Tây Giang (đường từ thôn Atu I đi mốc quốc giới 697).	49365	39200	Cách đường biên giới 900 m

TT	VỊ TRÍ	TỌA ĐỘ		GHI CHÚ
		X	Y	
13	Thôn Glao, xã Gari, huyện Tây Giang (đường từ thôn Glao đi mốc quốc giới 701).	42240	41920	Cách đường biên giới 920 m
14	Thôn Glao, xã Gari, huyện Tây Giang (đường từ thôn Glao đi mốc quốc giới 702).	40440	42250	Cách đường biên giới 920 m
15	Thôn Côn Zốt, xã Chợ Chun, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 703).	40330	42750	Cách đường biên giới 933 m
16	Thôn A Sò, xã Chợ Chun, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 705).	35680	44850	Cách đường biên giới 956 m
17	Thôn A Sò, xã Chợ Chun, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 706).	33320	43990	Cách đường biên giới 930 m
18	Thôn A Sò, xã Chợ Chun, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 708).	32270	44990	Cách đường biên giới 954 m
19	Thôn Đắc Ngọn, xã La Êê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 712).	28800	51340	Cách đường biên giới 948 m
20	Thôn Đắc Ốc, xã La Dêê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 716).	22580	54570	Cách đường biên giới 949 m
21	Thôn Đắc Ốc, xã La Dêê, huyện Nam Giang (thuộc khu vực cửa khẩu Nam Giang).	20000	54020	Cách đường biên giới 120 m
22	Thôn Đắc Ốc, xã La Dêê, huyện Nam Giang (thuộc khu vực cửa khẩu Nam Giang).	19220	54570	Cách đường biên giới 117 m
23	Thôn Đắc Pênh, xã La Dêê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 718).	18920	55500	Cách đường biên giới 910 m
24	Thôn Đắc Pênh, xã La Dêê, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 721).	15500	58890	Cách đường biên giới 946 m
25	Thôn Xóm 10, xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 723).	16460	62300	Cách đường biên giới 927 m
26	Thôn Xóm 10, xã Đắc Tôi, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 726).	14690	66990	Cách đường biên giới 940 m

TT	VỊ TRÍ	TỌA ĐỘ		GHI CHÚ
		X	Y	
27	Thôn 56B, xã Đắc Pre, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 727).	13200	69880	Cách đường biên giới 934 m
28	Thôn 48, xã Đắc Pring, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 734).	06090	77050	Cách đường biên giới 922 m
29	Thôn 48, xã Đắc Pring, huyện Nam Giang (đường đi mốc quốc giới 736).	06370	82480	Cách đường biên giới 928 m
- Theo Bản đồ địa hình đường biên giới quốc gia Việt Nam - Lào. Tỷ lệ: 1/50.000. - Elipxoid WGS-84 lưới chiếu UTM múi 6⁰ kinh tuyến trực trung ương 105⁰ kinh độ đông. - Hệ tọa độ WGS-84 khu vực biên giới Việt Nam - Lào.				